TAND HUYỆN ĐĂK HÀ **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày: 19/3/2020

Về việc: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK HÀ-TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Lánh.
- Ông Hoàng Văn Hưng.

- ***Thư ký phiên toà****:* Bà Trần Thị Dịu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đăk Hà.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2020/TLST - DS ngày 07 tháng 02 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị O; sinh năm: 1969. Địa chỉ: Thôn 3, xã Đăk Mar, huyện Đăk hà, tỉnh Kon Tum. Có mặt

- Bị đơn: Chị Phan Thị V; sinh năm: 1980. Địa chỉ: Thôn 3, xã Đăk Mar, huyện Đăk hà, tỉnh Kon Tum. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị O đề ngày 03 tháng 02 năm 2020 và bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Thị O trình bày*: Vào ngày 05/01/2019 bà O có cho chị Phan Thị V vay số tiền *89.000.000 đồng (tám mươi chín triệu đồng)*, lãi suất thỏa thuận miệng là 2,5%/tháng, thời gian vay là 02 tháng. Bà O và chị V có lập hợp đồng vay vốn, nội dung đánh máy và chữ viết là của bà O, còn chữ ký bên vay và chữ viết Phan Thị V là do chị V viết. Đến thời hạn trả nợ, bà O đòi nhiều lần, nhưng chị V khất lần không trả mà chỉ trả được số tiền lãi tổng cộng là *7.000.000 đồng* (*bảy triệu đồng*). Tại phiên tòa hôm nay, bà O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị V phải trả số tiền nợ gốc là *89.000.000đ (tám mươi chín triệu đồng)*, lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 05/3/2019 đến ngày 19/3/2020. Cụ thể là *13.000.000 đồng* (*mười ba triệu đồng*)

trừ đi số tiền *7.000.000 đồng* (*bảy triệu đồng)* tiền lãi chị V đã trả còn lại 6.000.000 đồng *(sáu triệu đồng*). Tổng cộng cả gốc và lãi là *95.00.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng*), yêu cầu chị V phải trả một lần đủ số tiền nêu trên và phải trả lãi kể từ ngày 20/3/2020 cho đến khi chị V trả hết toàn bộ số nợ gốc và lãi trên.

- *Tại bản tự khai đề ngày 25/02/2020 và Biên bản hòa giải ngày 25/02/2020 bị đơn bà Phan Thị V trình bày:* Bà Trần Thị O và tôi có mối quan hệ làm ăn với nhau, tôi làm cộng tác viên bán bảo hiểm với bà O sau đó bà O hỗ trợ tôi một số vốn để làm ăn. Tháng 6/2018 tôi vay của bà Trần Thị O số tiền *74.000.000 đồng (bảy mươi bốn triệu đồng*). Đến ngày 05/01/2019 hai bên làm việc lại và cộng thêm số tiền lãi và lập hợp đồng vay vốn ngày 05/01/2019 và viết số tiền *89.000.000 đồng (tám mươi chín triệu đồng*). Sau ngày lập hợp đồng vay tôi đã trả được số tiền lãi là *7.000.000 đồng (bảy triệu đồng*) cho bà O đến trước Tết năm 2020 thì tôi không trả nữa. Nay bà O yêu cầu trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 19/3/2020 là *95.00.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng*), thì tôi đồng ý. Vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn tôi xin trả dần *3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)* một tháng và không đồng ý trả một lần số tiền nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* do bà Trần Thị O khởi kiện. Bị đơn chị Phan Thị V có nơi cư trú tại thôn 3, xã ĐăkMar, huyện ĐăkHà, tỉnh Kon Tum nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án: Ngày 05/01/2019 bà Trần Thị O có cho chị Phan Thị V vay số tiền *89.000.000 đồng (tám mươi chín triệu đồng)*, lãi suất thỏa thuận miệng là 2,5%/ tháng, thời gian vay là 02 (hai) tháng. Đến nay chị V chưa trả được số tiền nợ gốc cho bà O và mới trả được *7.000.000 đồng* tiền lãi. Do chị V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ngày 03/02/2020 bà O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn chị Trần Thị O trả số tiền gốc là *89.000.000đ (tám mươi chín triệu đồng)*, tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 05/3/2019 đến ngày 19/3/2020. Cụ thể là *13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng chẳn*) trừ đi số tiền *7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng)* tiền lãi chị V đã trả còn lại 6*.000.000 đồng (sáu triệu đồng*). Tổng cộng số tiền bà O yêu cầu chị V phải trả là *95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng).*

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị V thừa nhận có nợ bà O số tiền gốc *89.000.000 đồng* và đồng ý trả số tiền lãi còn lại là *6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng*) cho bà O và xin trả dần *3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)* một tháng và không đồng ý trả một lần số tiền nêu trên.

Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng vay vốn (vay tiền) ngày 05/01/2019 được hai bên xác lập phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, các bên không tranh chấp về khoản tiền nợ gốc và lãi nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chứng cứ trên được các bên thừa nhận nên không phải chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị O, buộc chị Phan Thị V phải trả cho bà O số tiền gốc và lãi là *95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng).*

Tại phiên tòa hôm nay, chị Phan Thị V xin trả dần số tiền nợ trên, cụ thể mỗi tháng trả *3.000.000 đồng* cho đến khi trả hết số nợ trên. Yêu cầu này của chị V không được bà Trần Thị O chấp nhận nên không có cơ sở để xem xét. Do đó, HĐXX buộc chị Phan Thị V phải trả số tiền gốc và lãi tổng cộng là *95.000.000 đồng* cho bà Trần Thị O, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị O được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính trên số tiền tranh chấp là: *95.000.000 đồng x 5% = 4.750.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng);* Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị O.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39; Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 235; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 288; Điều 357; Điều 463; Điều 465; Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 02 năm 2020 của bà Trần Thị O, buộc chị Phan Thị V phải trả số tiền *95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng)* cho bà Trần Thị O trong đó, tiền nợ gốc là *89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng)*, tiền lãi là *6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng*) trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là *4.750.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)* để nộp vào Ngân sách nhà nước.

Bà Trần Thị O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại *2.225.000 đồng (Hai triệu hai trăm hai lăm ngàn)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà O đã nộp theo biên lai số: AA/2016/ 0000721 ngày 07 tháng 2 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện ĐăkHà;
- Chi cục THADS huyện ĐăkHà
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa